

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020

V/V tranh chấp: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P: Bà **Hoàng Thị Thùy** - Kiểm
sát viên

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2019/TLST- HNGĐ ngày 17/12/2019 về
việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Y**, sinh năm 1990 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 5 K, huyện Y, tỉnh X.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân C**, sinh năm 1987 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 9 xã B, huyện TT, tỉnh P.

Hiện chấp hành hình phạt tù tại: Phân trại số I, Z.

Xã Đ1, huyện Đ, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2019, được bổ sung bằng biên bản lấy lời
khai ngày 09/01/2020 chị Trần Thị Y trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân C ngày 18/7/2016,
việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND K, huyện Y, tỉnh
X. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã B, huyện TT, tỉnh P.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian
sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp
nhau trong cuộc sống và trong công việc, anh C không quan tâm đến cuộc sống gia
đình. Từ tháng 10 năm 2018 chị đã về nhà mẹ đẻ tại K, huyện Y, tỉnh X vợ chồng ly
thân từ đó cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Hơn nữa anh C đã
phạm tội và bị TAND huyện TT xử phạt tù, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Z,

huyện Đ, tỉnh V. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị được ly hôn với anh C để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn An H, sinh ngày 18/12/2016. Hiện con chung đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị không đề nghị giải quyết.

Trong bản tự khai, anh Nguyễn Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị Y năm 2016, việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2019 anh bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện xử phạt 36 tháng tù giam, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, thỉnh thoảng Chị Y vẫn đến thăm anh.

Nay Chị Y đề nghị ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với Chị Y do vẫn còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn An H sinh ngày 18/12/2016. Trong trường hợp ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Anh không đề nghị giải quyết.

Do hiện nay anh đang phải chấp hành hình phạt tù nên anh không đến tham gia giải quyết vụ án được, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tại phiên tòa:

**Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

** Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Yến: Xử cho Chị Y được ly hôn anh Chiêm; về con chung: Giao cho Chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn An H, sinh ngày 18/12/2016 cho đến khi cháu Hà thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì Chị Y không yêu cầu; Về tài sản chung, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị Y do điều kiện công việc ở xa, không thể đến phiên tòa được, Chị Y đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh C do điều kiện hiện đang phải chấp hành án phạt tù, không đến tham gia giải quyết, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, anh C đã có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y anh C kết hôn với nhau năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND K, huyện Y, tỉnh X hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã B, huyện TT, tỉnh P, tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, sau đó phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc. Hiện nay anh C đang phải chấp hành án phạt tù, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị Y đề nghị ly hôn, anh C không đồng ý do tình cảm vẫn còn.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng Chị Y anh C đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên sống ly thân từ năm 2018, không còn chung sống cùng nhau, hiện tại anh C hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam; Chị Y kiên quyết xin ly hôn do tình cảm không còn. Việc anh C xác định tình cảm vẫn còn không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên HĐXX thấy việc xin đoàn tụ này là không có cơ sở. Bởi lẽ trong quá trình chung sống anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không vun đắp cuộc sống gia đình, bản thân hiện đang phải chấp hành hình phạt tù nên không thể quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vì vậy xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y, xử cho chị được ly hôn anh C là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Chị Y anh C có một con chung là cháu Nguyễn An H, sinh ngày 18/12/2016. Hiện cháu đang sống với chị Y, khi ly hôn Chị Y đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con trong trường hợp phải ly hôn.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của Chị Y là chính đáng, hơn nữa cháu đang ở với Chị Y từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu Hà còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, anh C hiện đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi dưỡng con. Do đó hội đồng xét xử giao cháu Hà cho Chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị Y không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị Y anh C không đề nghị toà án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết. Tuy nhiên sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điểm a, Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn An H, sinh ngày 18/12/2016 cho chị Trần Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Y và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau ly hôn nếu có tòa án sẽ giải bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001697 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện TT, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; lên TAND tỉnh P để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- THADS huyện TT;
- UBND K, huyện Y
tỉnh X
- Các đ-ơng sự;
- L-u HS- VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú